

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2018/DS-ST.

Ngày: 10 – 7 – 2018.

V/v tranh chấp hợp đồng dân
sự - Vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Văn Tính.
2. Ông Nguyễn Tuấn Anh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Tinh – Thư ký Tòa án huyện Tháp Mười.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười tham gia phiên tòa:

Ông Trần Thanh Sang - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án huyện Tháp Mười, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 326/2017/TLST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2017, về tranh chấp hợp đồng dân sự - Vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2018/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2018/QĐST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. **Nguyễn Quốc T**, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, Đồng Tháp.

2. **Trịnh Văn B**, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện T, Đồng Tháp.

Anh T ủy quyền cho anh B theo văn bản ủy quyền ngày 19/7/2017, được chứng thực tại UBND xã A, huyện C.

- Bị đơn: **Nguyễn Văn P** (Bảy P), sinh năm 1956.

Địa chỉ: Ấp H, xã , huyện T, Đồng Tháp.

Tại phiên tòa có mặt anh B; ông P vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và lời khai tại phiên tòa của anh T ủy quyền cho anh B và anh B trình bày:

Vào năm 2014 đến nay, anh T và anh B cùng nhau hùn vốn để làm ăn mỗi người hùn vốn số tiền là 100.000.000 đồng để cho các mối quen biết mượn tiền để làm ăn và tính lãi hàng tháng theo quy định của pháp luật.

Đến ngày 31/01/2015, hai anh có cho ông Nguyễn Văn P (Bảy P) mượn tiền để làm ăn với số tiền là 35.000.000 đồng, ông P có làm biên nhận, ông P có trả được 4.000.000 đồng, còn nợ lại 31.000.000 đồng.

Qua nhiều lần hai anh gặp ông Phương và điện thoại đề đòi số tiền mượn thì ông P cứ hứa hẹn mà không trả lại tiền.

Nay, anh T và anh B khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn P trả tiền vay vốn là 31.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn Nguyễn Văn P trình bày:

Ông P có mượn của anh T số tiền là 1.000.000 đồng, còn lại 30.000.000 đồng là tiền làm ăn khoảng năm 2015. Anh T nói tiền mượn và tiền làm ăn dồn lại chú viết cho con Biên nhận nợ 31.000.000 đồng. Lúc đó, ông P đang kẹt tiền, nên ông P nói với anh T cho chú mượn 4.000.000 đồng rồi làm Biên nhận là 35.000.000 đồng. Nhưng sau đó, anh T không cho ông P mượn 4.000.000 đồng. Nay, ông P đồng ý trả cho anh T 1.000.000 đồng tiền mượn, còn 30.000.000 đồng là tiền làm ăn chứ không phải tiền của anh T nên ông không đồng ý trả theo yêu cầu của anh T và anh B.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và các nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ ngày thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự. Riêng, bị đơn vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa mà không có lý do chính đáng là chưa tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thời hạn chuẩn bị xét xử có vi phạm.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn. Vì việc vay mượn giữa các đương sự có làm Biên nhận do chính tay bị đơn viết và ký tên ghi rõ họ và tên (bị đơn cũng thừa nhận điều này), bị đơn cho rằng chỉ mượn 1.000.000 đồng mà không đưa ra tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của bị đơn là đúng sự thật. Do đó, xét thấy yêu cầu của các nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Anh T, anh B khởi kiện yêu cầu ông P phải trả tiền vay vốn là 31.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, đây là “Tranh chấp hợp đồng dân sự - Vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đồng thời, ông Phương là bị đơn có nơi cư trú tại ấp H, xã T, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn Nguyễn Văn P đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông P.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện và chứng cứ:

Căn cứ vào Giấy mượn tiền ngày 31/01/2015 do anh T cung cấp, nội dung thể hiện: Ông P có mượn của cháu Nguyễn Quốc T số tiền là 35.000.000 đồng, thời hạn là 02 tháng (kể từ ngày 31/01/2015 đến ngày 31/3/2015 sẽ trả đủ số tiền nói trên; Giấy do ông P viết và ký tên; ông P cũng thừa nhận Giấy mượn tiền do anh T cung cấp cho Tòa án là đúng chữ viết và chữ ký của ông. Như vậy, có đủ cơ sở xác định việc vay mượn tiền và viết Giấy mượn tiền ngày 31/01/2015 giữa ông P và anh T với số tiền là 35.000.000 đồng tiền vốn là có thật. Tuy nhiên, trong giấy mượn tiền ghi ngày 31/01/2015 không có ghi tên anh Trịnh Văn B nhưng anh T thừa nhận đây là số tiền chung của anh với anh B hùn vốn làm ăn. Do đó, yêu cầu của anh T, anh B là có căn cứ chấp nhận.

[3] Xét lời trình bày của ông P trong quá trình giải quyết vụ án ông cho rằng:

Tổng số nợ 35.000.000 đồng theo Giấy nợ ngày 31/01/2015 gồm những khoản tiền như sau: Tiền mượn 1.000.000 đồng; tiền anh T đưa cho ông 5.000.000 đồng để xin dùm biển số xe 0606 tại thị xã Sa Đéc; tiền cô giáo N đưa cho ông 25.000.000 đồng để nhờ đưa đưa em trai của cô N vào làm trong Ban Tuyên giáo; tiền anh T hứa cho mượn 4.000.000 đồng nhưng chưa đưa.

Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án, ông P không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của ông là có căn cứ và tại phiên tòa hôm nay, ông P vắng mặt không có lý do chính đáng và cũng không giao nộp thêm tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án. Do đó, lời trình bày của ông P là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Xét, đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của anh T, anh B được chấp nhận, nên không phải

chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho anh T, anh B tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn Nguyễn Văn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 471 và 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Quốc T và Trịnh Văn B.

Buộc ông Nguyễn Văn P (Bảy P) có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Quốc T và anh Trịnh Văn B tiền vay vốn còn nợ là 31.000.000 đồng (ba mươi một triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn P (Bảy P) phải nộp 1.550.000 đồng (một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Quốc T và anh Trịnh Văn B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho anh Nguyễn Quốc T 775.000 đồng (bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai số 14841 ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười.

3. Về quyền kháng cáo:

Các nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng, bị đơn Nguyễn Văn P (Bảy P) vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh + Huyện;
- Chi cục THADS Huyện;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Dũng